

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: **61/2023/HSST**

Ngày: 14 - 4 -2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú, Giáo viên nghỉ hưu

2. Bà Đỗ Thị Thu Hương, Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 51/2023/HSST ngày 27/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn S**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 20/03/2005, tại: Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Không; hộ khẩu thường trú: Lâm T, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Lâm T, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; con ông: Bùi Văn T, sinh năm: 1983 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; cùng trú tại: Lâm T, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 04/09/2021 Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, quyết định xử phạt hành chính số 05, số tiền 1.250.000 đồng về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ nhằm gây rối trật tự công cộng và nhằm gây thương tích cho người khác.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại: Lâm T 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Bùi Văn T , sinh năm: 1983; bà Nguyễn Thị H , sinh năm: 1982; trú tại: Lâm T , thị trấn D , huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm vườn; là cha mẹ của bị cáo, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Phi H**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 17/7/2006, tại: Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Không; hộ khẩu thường trú: Lâm T , thị trấn D , huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Lâm T , thị trấn D, huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng; con ông: Nguyễn X , sinh năm: 1975 và bà: Thái Thị T , sinh năm 1976; trú tại: Lâm T , thị trấn D , huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng; gia đình bị cáo có 03 chị em lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo hiện đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại Lâm T , thị trấn D , huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Nguyễn X , sinh năm: 1975 và bà: Thái Thị T , sinh năm 1976; trú tại: Lâm T , thị trấn D , huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm vườn; là cha mẹ của bị cáo, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn S và Nguyễn Phí H :* Ông Lê Anh Vũ, bà Trần Thị Thanh Xuân, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Bị hại:*

Anh Huỳnh Ngọc N – sinh ngày 02/03/2004; hộ khẩu thường trú: Xã C , huyện T , tỉnh N ; nơi cư trú hiện nay: 43 Nguyễn C , Phường n, thành phố Đ , tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Hoàng M , sinh ngày 26/06/2007; cư trú tại: Tổ dân phố T , thị trấn T , huyện Đ , tỉnh lâm Đồng, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn T , cư trú tại: Tổ dân phố T , thị trấn Thạch M , huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 10/08/2022, trong lúc Bùi Văn S cùng Nguyễn Ph H và Hoàng M sinh ngày 26/06/2007 đang ngồi chơi điện tử ở một quán internet trên đường Võ T , Phường n, thành phố Đà Lạt, do cần tiền trả nợ nên S bàn bạc vớ

H và Đ tìm xe mô tô sơ hở để trộm cắp đem bán lấy tiền trả nợ thì H và Đ đồng ý. Đến khoảng 03 giờ 00 cùng ngày, S, H và Đ bắt đầu đi lang thang xung quanh khu vực Phường n, thành phố Đ tìm xe mô tô sơ hở để trộm cắp. Khi đi ngang qua số nhà 48 N, Phường n, thành phố Đ thì S, H và Đ thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius FI màu đỏ đen biển số 49G1 – 226.04 của anh H đang để trên lề đường, không có người trông coi. H đi đến lắc cổ xe, thấy xe không khóa cổ nên H nói với Đ và S là “*xe này được*” thì S và Đ đồng ý và đứng ngoài canh người để H dắt xe mô tô trên bờ đi về hướng nhà trọ trên đường T, còn S và Đ đi theo sau. Cả ba dắt xe đến đường T, Phường 8, thành phố Đ, H mở cốp xe ra kiểm tra xem thử xe còn xăng hay không. H mở cốp xe lên S thấy có 01 bộ lục giác nên lấy ra rồi mở áo xe, đấu điện, nổ máy rồi S điều khiển xe mô tô trên chõ H và Đ đi đổ xăng, kiếm chỗ uống café. Đến khoảng 10 giờ 00 ngày 10/08/2022, S nói với cả nhóm đi kiếm chỗ làm chìa khóa để bán cho dễ, rồi chờ H và Đ đi đến một tiệm sửa khóa trên đường Đ, Phường a, thành phố Đ để làm chìa khóa. Sau đó, H nói với S và Đ có quen một người tên N ở xã Đ, huyện Đ và rủ S và Đ đi xuống gặp H để kiếm chỗ bán xe, thì S và Đ đồng ý. Khi đến xã Đ, H gọi điện thoại cho H (là người quen biết ngoài xã hội với H và S) hẹn gặp nói chuyện. Khi gặp H, H hỏi H có biết chỗ nào bán được xe không, thì H trả lời là không biết và kêu H, S kiểm thử ở ngoài xem, H hỏi tiếp là “*Xe này ở đâu ra*” thì H nói là “*Em đang kẹt tiền quá, xe mới được ông anh cho nên cần tìm chỗ bán lấy tiền*”. Sau đó, S, H và Đ chạy đi tìm nơi mua bán xe, khi đi ngang qua 01 tiệm sửa xe ở xã Đà Loan (S, H và Đ không nhớ ở chỗ nào) thì ghé vào mua 01 biển số 49N6 – 7685 với giá 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) ở tiệm sửa xe thay vào chiếc xe mới trộm cắp được, còn biển số 49G1 – 226.04 thì vứt đi (không rõ chỗ vứt). Đến khoảng 05 giờ 00 ngày 14/08/2022, S, H và Đ sử dụng xe mô tô trên đi lên thành phố Đ thuê phòng nghỉ, tại Khách sạn H trên đường N, Phường n, thành phố Đ để nghỉ. Đến khoảng 10 giờ 30 ngày 14/08/2022, anh Huỳnh N đi ngang qua, phát hiện xe mô tô đang dựng tại trước khách sạn H giống với xe mô tô của mình bị mất trộm, nên trình báo Cơ quan Công an. Cơ quan Công an mời S, H và Đ về làm việc, S, H và Đ đã thừa nhận hành vi cùng nhau trộm cắp như trên.

Tang vật thu giữ: 01 (một) biển số 49N6 – 7685; 01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius FI màu đỏ - đen; 01 (một) giấy Đ ký xe 49G1 - 226.04, mang tên chủ sở hữu: Vũ Đ.

- **Bị hại:** Anh Huỳnh N vào ngày 10/10/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đ, ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu đối với 01

(một) xe mô tô hiệu Sirius FI màu đỏ đen, có gắn biển số 49N6 – 226.04, có số khung: C40EY009110, số máy: 1FC4-009111; 01 (một) giấy Đ ký xe 49G1 - 226.04, mang tên chủ sở hữu: Vũ Đ , bằng hình thức trả cho chủ sở hữu là anh Huỳnh N ; anh N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 92/KL-ĐG ngày 21/09/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt, kết luận: 01 xe mô tô Yamaha Sirius FI màu đỏ đen, dung tích 114cm³, số máy: 1FC4-009111, số khung: C40EY009110 là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 63/CT - VKS ngày 22/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, truy tố bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Ph H phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa hôm nay bị cáo khai nhận:

Vào lúc 03 giờ ngày 10/08/2022, tại số nhà 48 N , Phường 8, thành phố Đ , Bùi Văn S và Nguyễn Ph H đã trộm cắp 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ đen, dung tích 114cm³, số máy: 1FC4-009111, số khung: C40EY009110 trị giá 9.000.000 đồng của anh Huỳnh N .

Qua thẩm tra tại phiên Tòa, xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Ph H phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90; 91; 100 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn S, từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Phi H, từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số 49N6-7685.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi trộm cắp của bị cáo, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin hứa sẽ không bao giờ vi phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, áp dụng vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Việc chấp hành của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[1]. Qua xem xét về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ tang vật và các tài liệu liên quan khác, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Ph H đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là liệu lĩnh xem thường pháp luật, thể hiện ở chỗ: Lợi dụng tài sản không có người trông coi, bị cáo đã lén lút lấy tài sản, giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là **9.000.000 đồng**. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện, việc bị cáo bị phát hiện, bắt giữ là nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

[4]. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên xét xử nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, cùng với gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6]. Trong vụ án có hai bị cáo tham gia không bàn bạc sắp xếp, đồng phạm mang tính giản đơn, tuy bị cáo S là người chủ động gợi ý đi trộm cắp, nhưng H là người trực tiếp lấy trộm tài sản, nên các bị cáo phải chịu hình phạt ngang nhau.

Xét, bị cáo S có nhân thân xấu, nên phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, như vậy với có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo H phạm tội ở tuổi vị thành niên, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao cho chính quyền địa phương, cùng với gia đình giáo dục là đủ.

[7]. Trong vụ án này có Nguyễn Hoàng Minh Đ – sinh ngày 26/06/2007, cùng thực hiện hành vi phạm tội với Bùi Văn S và Nguyễn Phi H, tuy nhiên vào thời điểm phạm tội, Đ mới chỉ 15 tuổi 01 tháng, do đó không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Hoàng Minh Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã xử lý hành chính đối với Nguyễn Hoàng Minh Đ.

Đối với anh Nguyễn Văn H ; qua điều tra, anh Hải cho biết vào ngày 10/08/2022, Bùi Văn S và Nguyễn Ph H gặp anh để hỏi về nơi bán xe, anh H không biết, nên nói S và H tự đi kiếm, H không biết xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ đen mà H, S điều khiển là xe do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với anh H .

[8]. Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và nhận 3.000.000đ do bị cáo và gia đình bị cáo bồi thường, không yêu cầu nên không xem xét.

[9]. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số 49N6-7685.

[10]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Phi H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn S 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phi H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Phi H cho Ủy ban nhân dân Thị trấn D , huyện Đ , tỉnh Lâm Đồng; nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 biên số 49N6-7685.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/02/2023 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục thi hành án thành phố Đà Lạt).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc: Bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Phi H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND;
- Trại giam;
- Công an TP Đà Lạt;
- THA, BP theo dõi THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Ngọc Lâm